

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI
TỈNH QUẢNG BÌNH**

Bản án số: 16/2020/HSST

Ngày: 14/5/2020

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI -TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Lệ

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Đình Sang

Bà Trần Thị Như ý

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Lệ Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Kinh- Kiểm sát viên.

Trong ngày 14/5/2020 tại Toà án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 11/2020/HSST ngày 25 tháng 3 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2020/QĐXXST- HS ngày 20 tháng 4 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Trần Nhật M; tên gọi khác: Không; sinh ngày 21 tháng 7 năm 1994 tại Quảng Bình; Nơi ĐKKH và chỗ ở hiện nay: Tổ Dân Phố 6, phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Hữu B (Chết); con bà: Nguyễn Thị L, sinh năm 1977; gia đình có 01 người con, M là con duy nhất trong gia đình, chưa có vợ con. Quá trình bản thân: Sinh ra và lớn lên được gia đình nuôi ăn học hết lớp 9/12 thì nghỉ học, sinh sống tại địa phương. Ngày 20/12/2012 bị Toà án nhân dân thành phố Đ xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Chấp hành án tại trại giam Công an tỉnh Quảng Bình, ra trại ngày 09/4/2013. Ngày 19/12/2013 bị Toà án nhân dân thành phố Đ xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Chấp hành án tại trại giam Đ. Ngày 25/3/2014 bị Toà án nhân dân thành phố Đ xử phạt 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Chấp hành án tại trại giam Đ, ra trại ngày 21/10/2015. Ngày 04/3/2016 bị Công an thành phố Đồng Hới xử phạt vi phạm hành chính 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, chưa thi hành. Ngày 14/9/2016 bị Tòa án nhân dân thành phố Đ xử phạt 30 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 25/11/2016 bị Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình xử phúc

thẩm y án. Chấp hành án tại trại giam Đ, ra trại ngày 04/12/2018. Tiền án: 04 tiền án: Ngày 20/12/2012 bị Toà án nhân dân thành phố Đ xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 19/12/2013 bị Toà án nhân dân thành phố Đ xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 25/3/2014 bị Toà án nhân dân thành phố Đ xử phạt 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 14/9/2016 bị Toà án nhân dân thành phố Đ xử phạt 30 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 25/11/2016 bị Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình xử phúc thẩm y án. Tiền sự: 01 tiền sự; ngày 04/3/2016 bị Công an thành phố Đ xử phạt vi phạm hành chính 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, chưa thi hành.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/12/2019 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Đ. Có mặt tại phiên tòa theo lệnh trích xuất của Tòa án.

2. Trần Phan H; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh ngày 15 tháng 7 năm 1991 tại Quảng Bình; Nơi ĐKKH và chỗ ở hiện nay: Tổ Dân Phố 3 M, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Không rõ; con bà: Trần Thị Thanh H, sinh năm 1973; gia đình có 03 người con, H là con thứ nhất, có vợ đã ly hôn; có 02 con; lớn nhất sinh 2013, nhỏ nhất sinh 2016. Quá trình bản thân: Sinh ra và lớn lên được gia đình nuôi ăn học hết lớp 9/12 thì nghỉ học ở nhà lao động tự do phụ giúp gia đình. Ngày 13/5/2005 bị Công an phường Đ - Công an thành phố Đ xử phạt vi phạm hành chính Cảnh cáo về hành vi trộm cắp tài sản. Ngày 18/11/2005 bị UBND TP Đ ra Quyết định đưa vào trường giáo dưỡng thời hạn 12 tháng. Ngày 02/02/2010 bị Toà án nhân dân thành phố Đ xử phạt 12 tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”, thi hành án tại trại giam Đ, ra trại ngày 18/8/2010, đã thi hành án phí và trách nhiệm dân sự. Ngày 04/8/2017 bị Công an thành phố Đ xử phạt vi phạm hành chính 750.000 đồng về hành vi Gây rối trật tự công cộng, đã thi hành.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 31/12/2019 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Đ, Có mặt theo lệnh trích xuất của Tòa án.

- Bị hại:

1. Anh Hoàng Quốc D, sinh ngày 03/7/1946; địa chỉ: Tổ Dân Phố 12, phường B, TP. Đ, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

2. Chị Phan Thị Anh D, sinh ngày 06/5/1999; địa chỉ: TDP 9, phường N, TP. Đ, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

3. Chị Đặng Thị D, sinh ngày 10/02/1993; địa chỉ: Tổ Dân Phố 7, phường N, TP. Đ, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

4. Chị Nguyễn Ngọc Thủy T, sinh ngày 17/3/1990; địa chỉ: TDP 14, phường N, TP. Đ, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

5. Chị Đặng Thị Nam T, sinh ngày 23/10/1990; địa chỉ: Xã Đ, thành phố H, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

6. Anh Nguyễn Văn N, sinh ngày 10/10/1989; địa chỉ: Tổ Dân Phố 7, phường B, TP.Đ, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Hoàng Văn H, sinh ngày: 02/7/1960; địa chỉ: Thôn G, xã Đ, TP.Đ, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

2. Anh Nguyễn Đức S, sinh ngày 10/10/1989; địa chỉ: TDP 8, phường B, TP. Đ, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

3. Anh Phạm Thế H, sinh ngày 14/4/1987; địa chỉ: Thôn L, xã L, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

4. Anh Lê Thành C, sinh ngày 24/01/1979; địa chỉ: Tổ dân Phố 1, phường B, TP. Đ, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

5. Anh Đoàn Công S, sinh ngày 15/6/1987; địa chỉ: Tổ Dân Phố 8, phường N, TP. Đ, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

6. Anh Nguyễn Văn T, sinh ngày 09/10/1993; địa chỉ: Thôn P, xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

7. Chị Nguyễn Thị Hồng T, sinh ngày 12/6/1988; địa chỉ: Tổ Dân Phố 6, phường N, TP. Đ, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ tháng 10 đến tháng 12/2019, Trần Nhật M, và Trần Phan H đã thực hiện một số vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn thành phố Đ. Trần Nhật M đã có 04 tiền án về tội trộm cắp tài sản, không có nghề nghiệp, đều lấy các lần phạm tội làm nghề sinh sống, lấy kết quả của việc phạm tội làm nguồn sống chính. Cụ thể:

Vụ thứ nhất: Khoảng 14h ngày 07/10/2019, Trần Nhật M đi bộ đến đoạn đường N thuộc TDP6, phường N phát hiện 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA JUPITER GRAVITA, màu đỏ đen BKS 73V2-7183 của ông Hoàng Văn H đang dựng sát hàng rào nhà dân, chìa khóa cắm ở ổ khóa, không có người trông giữ. M lấy trộm xe rồi điều khiển đến gửi xe tại anh Phạm Thế H ở xã L, huyện Q để làm tin rồi mượn 4.000.000 đồng, tiêu xài cá nhân hết. Kết luận định giá số 92/KL-ĐG ngày 16/12/2019 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự kết luận xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA JUPITER GRAVITA, màu đỏ đen BKS 73V2-7183, trị giá 10.000.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Đ đã thu giữ và trả lại cho ông Hoàng Văn H. Anh H không yêu cầu M bồi thường.

Vụ thứ hai: Khoảng 11h ngày 22/11/2019, Trần Nhật M và Trần Phan H đi bộ đến nhà ông Hoàng Quốc D ở TDP 12, phường B. Phát hiện không có người, M đi vào dùng tay phá khóa cửa chính rồi cả hai đi vào lấy trộm 01 điện thoại di động SAMSUNG GALAXY NOTE 7, màu đen trị giá 4.000.000 đồng. Sau đó, M đem bán điện thoại trên cho anh Lê Thành C tại tiệm sửa chữa, mua bán điện thoại Thành C, trú tại số 60 P, phường B được 80.000 đồng, cùng tiêu xài.

Quá trình điều tra không thu giữ được chiếc điện thoại trên, ông Hoàng Quốc D yêu cầu M và H bồi thường theo quy định.

Vụ thứ ba: Khoảng 14h ngày 24/11/2019, Trần Nhật M đi bộ đến dãy trọ ở TDP 9, phường N. Phát hiện phòng trọ của chị Phan Thị Anh D không khóa cửa sổ, nhìn vào thấy 01 điện thoại di động IPHONE 7 PLUS màu đen, để trên giường ngủ, trị giá 10.000.000 đồng. M thò tay qua cửa sổ lấy trộm điện thoại nói trên. Sau đó đem bán cho anh Đoàn Công S tại cửa hàng sửa chữa, mua bán điện thoại N ở 384 Đ 1.500.000 đồng.

Quá trình điều tra không thu giữ được chiếc điện thoại trên, chị D yêu cầu bồi thường 10.000.000 đồng.

Vụ thứ tư: Khoảng 10h ngày 26/11/2019, Trần Nhật M và Trần Phan H đi bộ đến kho Bưu điện B thuộc TDP 4, phường B. Phát hiện 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA FUTURE NEO, màu đen, BKS 73V2-8813 của anh Nguyễn Đức S, trị giá 9.000.000 đồng, chìa khóa cắm ở ổ khóa xe, không có người trông giữ. Cả hai lấy trộm xe rồi cùng đưa đến để lại làm tin cho anh Nguyễn Văn T và mượn 6.500.000 đồng, chia nhau tiêu xài cá nhân hết.

Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Đ đã thu giữ chiếc xe trên và trả lại cho anh Nguyễn Đức S. Anh S và anh T không yêu cầu M và H bồi thường.

Vụ thứ năm: Khoảng 4h ngày 29/11/2019, Trần Nhật M đi bộ đến dãy trọ ở TDP 7, phường N. Phát hiện ở hành lang dựng 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS, màu xám đen, BKS 73B1-317.44 của chị Đặng Thị D, trị giá 19.000.000 đồng, không khóa cổ. M lấy trộm xe rồi dắt bộ đến đường H thuộc TDP 6, phường N thì sợ bị phát hiện nên bỏ xe lại bên đường.

Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Đ đã thu giữ và trả lại xe cho chị Đặng Thị D.

Vụ thứ sáu: Khoảng 14h ngày 13/12/2019, Trần Nhật M đi bộ tìm sơ hở để trộm cắp tài sản. Phát hiện nhà trọ của chị Nguyễn Ngọc Thủy T ở TDP14, phường N không khoá cửa sau nên đã đột nhập vào lấy trộm 01 máy tính bảng hiệu SAMSUNG GALAXY TAB A màu đen, trị giá 1.500.000 đồng và 1.400.000 đồng để trong ví da rồi tẩu thoát. Máy tính bảng M sử dụng, số tiền trộm được M đã tiêu xài hết.

Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Đồng Hới đã thu giữ máy tính bảng trên và trả lại cho chủ sở hữu, chị Thuỷ T yêu cầu M bồi thường 1.400.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số: 10/CT-KSĐT-KT ngày 23/3/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ đã truy tố các bị cáo Trần Nhật M, Trần Phan H về tội “Trộm cắp tài sản”. Đối với Trần Nhật M truy tố theo Điểm b, c, g Khoản 2 Điều 173 BLHS năm 2015, đối với Trần Phan H theo Khoản 1 Điều 173 BLHS. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điểm b, c, g Khoản 2 Điều 173, Điều 17, Điều 58, Điểm s Khoản 1 Điều 51, Điểm g Khoản 1 Điều 52, Điều 38 BLHS năm 2015 xử phạt bị cáo: Trần Nhật M từ 04 năm – 04 năm 06 tháng tù. Áp dụng Khoản 1 Điều 173, Điều 17, Điều 58 Điểm s Khoản 1 Điều 51, Điểm g Khoản 1 Điều 52, Điều 38 BLHS năm 2015 xử phạt bị cáo: Trần Phan H từ 12 – 15 tháng tù.

- Về trách nhiệm Dân sự:

Tài sản mà bị cáo trộm cắp của các bị hại một số bị hại đã nhận lại tài sản, còn lại một số bị hại chưa nhận được nay buộc các bị cáo Trần Nhật M và Trần Phan H liên đới bồi thường số tiền cụ thể:

1. Trần Nhật M phải bồi thường cho anh Hoàng Quốc D 2.000.000 đồng.
2. Trần Phan H phải bồi thường cho anh Hoàng Quốc D số tiền 2.000.000 đồng.

* Trần Nhật M phải bồi thường cho các bị hại cụ thể:

1. Bồi thường cho chị Phan Thị Anh D 10.000.000 đồng.
2. Bồi thường cho chị Nguyễn Ngọc Thủy T 1.400.000 đồng.

Tổng cộng Trần Nhật M phải bồi thường cho các bị hại là: 13.400.000 đồng.

* Án phí Hình sự sơ thẩm:

- Bị cáo Trần Nhật M phải chịu nộp 200.000 đồng.
- Bị cáo Trần Phan H phải chịu nộp 200.000 đồng.

* Án phí Dân sự sơ thẩm

Bị cáo Trần Nhật M phải chịu nộp 670.000 đồng.

Bị cáo Trần Phan H phải chịu nộp 300.000 đồng.

Quá trình xét hỏi tại phiên tòa, bị cáo Trần Nhật M, Trần Phan H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và lời khai của bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa

Từ tháng 10/2019 đến tháng 12/2019, Trần Nhật M là đối tượng không có nghề nghiệp đã thực hiện 06 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn thành phố Đ. Bị cáo đã lấy các lần phạm tội làm nghề sinh sống và lấy kết quả của việc phạm tội làm nguồn sống chính cho bản thân, tổng trị giá tài sản mà M trộm cắp là 54.900.000 đồng. Trần Phan H thực hiện cùng với Trần Nhật M 02 vụ trộm cắp tài sản, tổng trị giá 13.000.000 đồng. Vì vậy Trần Nhật M phải chịu trách nhiệm Hình sự theo quy định tại Điểm b, c, g Khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự; Trần Phan H phải chịu trách nhiệm Hình sự theo quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Lời khai nhận tội của các bị cáo là hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị hại, về đặc điểm và số lượng tài sản bị mất, phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án về thời gian, địa điểm và quá trình diễn biến phạm tội. Như vậy Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở để kết luận hành vi của các bị cáo nêu trên đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” đúng như tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố.

Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, gây ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự trên địa bàn thành phố Đồng Hới, gây một tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân.

[2] Xét tính chất mức độ, hành vi của các bị cáo thấy rằng

Đây là một vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo quen biết nhau, rủ rê nhau cùng thực hiện tội phạm. Hành vi phạm tội của các bị cáo gây mất trật tự trị an trên địa bàn thành phố, gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân. Mặc dù các bị cáo đều nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn bất chấp hậu quả, thực hiện đến cùng hành vi trộm cắp tài sản của người khác để sử dụng vào mục đích tiêu xài cá nhân. Các bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây dư luận xấu nên đòi hỏi phải có hình phạt nghiêm khắc để xử lý đối với hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra. Để đánh giá tính chất từng bị cáo thấy rằng:

Trần Nhật M tuổi đời không còn trẻ, có sức khỏe, đáng lẽ ra phải tu chí làm ăn để nuôi sống bản thân, gia đình nhưng bị cáo không làm việc mà bị cáo thích có tiền một cách nhanh chóng không phải lao động. Mặc dù bị cáo đã có 04 tiền án, 01 tiền sự nhưng bị cáo không tu dưỡng bản thân mà tiếp tục phạm tội, phạm tội nhiều lần, trộm cắp tài sản có giá trị lớn, để bán lấy tiền làm nguồn sống chính cho bản thân. Vì vậy Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ truy tố bị cáo M phạm tội theo quy định tại Điểm b, c, g Khoản 2 Điều 173 BLHS là hoàn toàn đúng người đúng tội, đúng pháp luật. Trong vụ án này bị cáo đã phạm tội 06 lần vì vậy phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự điều luật quy định tại Điểm g Khoản 1

Điều 52 BLHS. Tuy nhiên khi lượng hình Hội đồng xét xử cũng cần xem xét cho bị cáo M hưởng tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thật thà khai báo và thể hiện sự ăn năn hối cải, đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại Điểm s Khoản 1 Điều 51 BLHS

Vì vậy cần thiết phải áp dụng một mức án thật nghiêm khắc và cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian, để bị cáo thấy được lỗi lầm mà tự sửa chữa và khắc phục sớm trở thành người tốt đồng thời răn đe phòng ngừa chung.

Đối với bị cáo Trần Phan H cũng là người trưởng thành có đủ sức khỏe, nhận thức về pháp luật, bị cáo là người đã có vợ, con đáng lẽ ra phải là người cha mẫu mực để các con noi theo, đáng lẽ ra khi nghe bị cáo M cù rử thì phải khuyên đồng bọn, nhưng mà ngược lại, cũng với bản tính lười lao động, thích hưởng thụ, để đáp ứng nhu cầu của bản thân, bị cáo không làm điều đó mà khi nghe M cù rử thì đồng ý ngay và tìm mọi cách để thực hiện hành vi phạm tội. Mặc dù bị cáo biết đây là việc làm vi phạm pháp luật, nhưng vẫn cố tình cùng bị cáo M thực hiện đến cùng. Hành vi của bị cáo không những vi phạm pháp luật mà còn vi phạm đạo đức xã hội, gây bức xúc trong nhân dân, mặc dù bị cáo không tiền án nhưng nhân thân bị cáo rất xấu, từng bị xét xử, và từng bị xử phạt vi phạm hành chính nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học răn đe mình mà còn tiếp tục phạm tội, bị cáo phạm tội nhiều lần vì vậy phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự điều luật quy định tại Điểm g Khoản 1 Điều 52 BLHS. Tuy nhiên khi lượng hình Hội đồng xét xử cũng cần xem xét cho bị cáo M hưởng tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thật thà khai báo và thể hiện sự ăn năn hối cải, đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại Điểm s Khoản 1 Điều 51 BLHS. Xét thấy cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có thể cải tạo bị cáo trở thành người lương thiện, có ích cho gia đình, xã hội.

Trong vụ án có Nguyễn Văn T, Phạm Thế H, Đoàn Công S và Lê Thành C là những người liên quan đến tài sản trộm cắp nhưng đều không biết nên không bị xử lý trách nhiệm Hình sự.

[3] Về trách nhiệm Dân sự:

Tài sản mà bị cáo trộm cắp của các bị hại và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chưa bồi thường và bồi hoàn. Hội đồng xét xử thấy rằng yêu cầu của bị hại là hoàn toàn chính đáng HĐXX thấy rằng cần chấp nhận áp dụng Điều 42 BLHS Điều 584, 585, 589 BLDS năm 2015 buộc các bị cáo M, H liên đới bồi thường cho anh Hoàng Quốc D cụ thể:

1. Trần Nhật M bồi thường cho anh Hoàng Quốc D số tiền 2.000.000 đồng.
2. Trần Phan H phải bồi thường cho anh Hoàng Quốc D số tiền 2.000.000 đồng.

* Buộc Trần Nhật M phải bồi thường cho các bị hại cụ thể như sau:

1. Bồi thường cho chị Phan Thị Anh D số tiền 10.000.000 đồng.
2. Bồi thường cho chị Nguyễn Ngọc Thủy T số tiền 1.400.000 đồng.

Tổng cộng Trần Nhật M phải bồi thường cho các bị hại số tiền là: 13.400.000 đồng.

[4] Án phí Hình sự, án phí Dân sự sơ thẩm:

* Án phí Hình sự sơ thẩm:

Áp dụng Điều 136 BLTTHS năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Bị cáo Trần Nhật M phải chịu nộp 200.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.
- Bị cáo Trần Phan H phải chịu nộp 200.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

* Án phí dân sự sơ thẩm:

Bị cáo Trần Nhật M phải chịu nộp 670.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

Bị cáo Trần Phan H phải chịu nộp 300.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Trần Nhật M, Trần Phan H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về Điều luật áp dụng:

Áp dụng Điểm b, c, g Khoản 2 Điều 173; Điều 17, Điều 58 Điểm s Khoản 1 Điều 51; Điểm g Khoản 1 Điều 52, Điều 38 BLHS năm 2015.

Xử phạt bị cáo Trần Nhật M 04 năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt tạm giam 15/12/2019.

Tiếp tục tạm giam bị cáo Trần Nhật M 45 ngày theo quyết định tạm giam của Hội đồng xét xử, để đảm bảo thi hành án.

Áp dụng Khoản 1 Điều 173; Điều 17, Điều 58, Điểm s Khoản 1 Điều 51; Điểm g Khoản 1 Điều 52, Điều 38 BLHS năm 2015.

Xử phạt bị cáo Trần Phan H 12 tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt tạm giam 31/12/2019.

Tiếp tục tạm giam bị cáo Trần Phan H 45 ngày theo quyết định tạm giam của Hội đồng xét xử, để đảm bảo thi hành án.

3. Về trách nhiệm Dân sự:

Áp dụng Điều 42 BLHS Điều 584, 585, 589 BLDS năm 2015;

Xử buộc các bị cáo Trần Nhật M, Trần Phan H liên đới bồi thường cho anh Hoàng Quốc D cụ thể:

1. Trần Nhật M phải bồi thường cho anh Hoàng Quốc D số tiền 2.000.000 đồng.

2. Trần Phan H phải bồi thường cho anh Hoàng Quốc D số tiền 2.000.000 đồng.

* Buộc Trần Nhật M phải bồi thường cho các bị hại cụ thể như sau:

1. Bồi thường cho chị Phan Thị Anh D số tiền 10.000.000 đồng.

2. Bồi thường cho chị Nguyễn Ngọc Thủy T số tiền 1.400.000 đồng.

Tổng cộng Trần Nhật M phải bồi thường cho các bị hại là: 13.400.000 đồng.

4. Án phí Hình sự, án phí Dân sự sơ thẩm:

* Án phí Hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 BLTTHS năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Bị cáo Trần Nhật M phải chịu nộp 200.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

- Bị cáo Trần Phan H phải chịu nộp 200.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

* Án phí dân sự sơ thẩm:

Bị cáo Trần Nhật M phải chịu nộp 670.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

Bị cáo Trần Phan H phải chịu nộp 300.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015).

Trong trường hợp bản án thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các bị cáo, người bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (14/5/2020). Đối với bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án hạn trong 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND thành phố Đồng Hới;
- Công an thành phố Đồng Hới;
- Chi cục THADS thành phố Đồng Hới;
- THA phạt tù;
- Người tham gia tố tụng;
- Lư hồ sơ;
- Lưu án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Mỹ Lệ